

Số: 386/2026/QĐST-HNGĐ

Đà Nẵng, ngày 28 tháng 9 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - ĐÀ NẴNG**

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 694/2026/TLST-HNGĐ, ngày 16 tháng 9 năm 2026 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

** Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

+ Ông **Ngô Văn Luật T**, sinh ngày 07/09/1994; Căn cước công dân số: 048094000558; cấp ngày: 20/04/2021; Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội; Trú tại: K A, phường A, thành phố Đà Nẵng.

+ Bà **Đặng Thị Hồng Y**, sinh ngày 12/09/1996; Căn cước công dân số: 045196004199; cấp ngày: 15/08/2021; Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; Nơi thường trú: Thôn H, xã H, huyện H (nay là xã D), tỉnh Quảng Trị; Địa chỉ nơi ở: K T, phường H, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Đặng Thị Hồng Y và ông Ngô Văn L Thiên có đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 16/08/2023 tại Ủy ban nhân dân phường A, quận S (nay là UBND phường A) thành phố Đà Nẵng; Giấy kết hôn số: 118. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Vợ chồng ông bà chung sống hạnh phúc với nhau đến cuối năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do không hợp nhau về tính tình, quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã không còn quan tâm chăm sóc nhau. Nay cả bà Y và ông T đều xác định tình cảm không còn thương yêu nhau, mâu thuẫn vợ chồng đã rất trầm trọng mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] *Về con chung*: Bà Y và ông Thiên T1 xác định có 01 người con chung và thỏa thuận: Giao con chung là Ngô Ngọc Đông P, sinh ngày 08/12/2023 cho bà Đặng Thị Hồng Y trực tiếp nuôi dưỡng, ông Ngô Văn Luật T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 4.000.000đ (*bốn triệu đồng*) cho đến khi con đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng từ tháng 10 năm 2026 và vào ngày 10 hàng tháng.

[3] *Về tài sản chung, nợ chung*: Bà Y và ông T xác định không có nên Toà án không đề cập giải quyết.

[4] *Lệ phí giải quyết việc HNGĐ-ST: 300.000đ (ba trăm nghìn đồng)* bà Y và ông T tự nguyện chịu.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Đặng Thị Hồng Y và ông Ngô Văn Luật T thuận tình ly hôn.

- *Về con chung*: Giao con chung là Ngô Ngọc Đông P, sinh ngày 08/12/2023 cho bà Đặng Thị Hồng Y trực tiếp nuôi dưỡng, ông Ngô Văn Luật T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 4.000.000đ (*bốn triệu đồng*) cho đến khi con đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng từ tháng 10 năm 2026 và vào ngày 10 hàng tháng.

Đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng, người được thi hành án có đơn yêu cầu mà người phải thi hành án không thi hành thì phải trả khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi về cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Bà Y và ông T xác định không có nên Toà án không đề cập giải quyết.

2. *Lệ phí giải quyết việc HNGĐ-ST: 300.000đ (ba trăm nghìn đồng)* bà Đặng Thị Hồng Y và ông Ngô Văn Luật T tự nguyện chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng mà ông bà đã nộp theo biên lai thu số 0002229 ngày 16 tháng 09 năm 2026 của Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng. Bà Y và ông T đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 36 và 72 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 34 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Người yêu cầu;
- VKSND Khu vực 4 – Đà Nẵng;
- UBND phường An Hải, thành phố Đà Nẵng (*Giấy chứng nhận Kết hôn số 118; ngày 16/08/2023 của UBND phường An Hải Bắc, TP Đà Nẵng cũ*);
- Thi hành án dân sự TP Đà Nẵng;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Trịnh Đức Thiện

